

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-5-2018
V/v tranh chấp “Chia tài sản chung
của vợ chồng sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Huy Cường
2. Bà Đoàn Thụy Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 522/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Kim H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ô1/89A, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Lâm Q, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp R, xã T1, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà Khuru Kim L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ô1/89A, k, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Ông Q, bà L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Kim H và người đại diện theo ủy quyền của ông H có ông Nguyễn Lâm Q trình bày:

Ông và bà Khuru Kim L đã ly hôn theo Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST ngày 07-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Cụ thể:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Khuru Kim L và ông Trần Kim H là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Trần Thị Bích Vân, sinh ngày 17-4-1988 và cháu Trần Thị Bích Tuyên, sinh ngày 25-10-1992 đã trưởng thành, có khả năng lao động tự sinh sống được nên bà L và ông H không yêu cầu giải quyết. Giao ông H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Kim Long, sinh ngày 28-10-2000, bà L không pH cấp dưỡng nuôi con. Bà L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Bà L và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L và ông H khai không có nên không đặt ra giải quyết.

Từ khi ly hôn đến nay, ông và bà L không thỏa thuận được việc chia tài sản chung. Nay ông yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn gồm: 01 căn nhà tường cấp 4A, xây dựng năm 2007, diện tích theo kết quả đo đạc 103,41 m²; mái che có diện tích 9,94 m²; nhà vệ sinh diện tích 5,45 m²; chuồng heo diện tích 8,4 m², riêng phần đất là tài sản riêng của ông H. Nhà tọa lạc tại khu phố Thanh Hà, Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Ông yêu cầu chia đôi và ông có nguyện vọng được nhận nhà và các công trình phụ trên đất, ông đồng ý thanh toán lại ½ giá trị cho bà L.

Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa ông H rút lại 01 phần yêu cầu chia tài sản chung đối với: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 70F1-372.95 và 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave alpha, biển số 70F1-420.13.

Bị đơn bà Khuru Kim L trình bày: Bà thống nhất tài sản chung như ông H trình bày. Bà đồng ý theo yêu cầu của ông H. Tuy nhiên theo bà toàn bộ tài sản chung có giá trị khoảng 400.000.000 đồng nên ông H pH thanh toán lại cho bà giá trị là 200.000.000 đồng.

Bà không thống nhất kết quả định giá ngày 16-3-2018, nhưng bà không yêu cầu định giá lại.

Đối với 02 chiếc xe mô tô mà ông H trình bày và một số đồ nội thất trong nhà là tài riêng của bà, tuy nhiên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông H. Đối với 02 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 70F1-372.95 và mô tô hiệu Honda Wave alpha, biển số 70F1-420.13, ông H không yêu cầu giải quyết, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Trần Kim H và bà Khuru Kim L đã ly hôn theo Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST ngày 07-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Theo nội dung Bản án, về tài sản chung ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên ông bà không thỏa thuận được và có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Qua kết quả thẩm định, đo đạc định giá, ông H và bà L thống nhất tài sản chung gồm có:

- 01 căn nhà tường cấp 4A, diện tích 103,41 m², móng bê tông cốt thép, cột gạch, tường gạch, mái tole, trần tole lạnh, nền gạch men, cửa sắt kính. Xây dựng năm 2007, giá trị còn lại 38,89 %, đơn giá 2.756.000 đồng/m². Thành tiền 103,41 m² x 2.756.000 đồng/ m² x 38,89 % = 110.835.707 đồng.

- Mái che diện tích 9,94 m², đơn giá 296.800 đồng/m², giá trị còn lại 15%. Thành tiền 9,94 m² x 296.800 đồng/ m² x 15 % = 442.528 đồng.

- Nhà vệ sinh diện tích 5,45 m², đơn giá 2.098.800 đồng/ m², giá trị còn lại 20%. Thành tiền 5,45 m² x 2.098.800 đồng/ m² x 20 % = 2.287.692 đồng.

- Chuồng heo diện tích 8,4 m², giá trị còn lại 20 %, đơn giá 636.000 đồng/ m². Thành tiền 98,4 m² x 636.000 đồng/ m² x 20 % = 1.068.480 đồng.

Tổng giá trị tài sản tranh chấp là: 114.634.407 đồng.

Ông H và bà L đều thống nhất chia đôi tài sản chung, nhưng không thống nhất được giá trị. Bà L không đồng ý theo giá mà Hội đồng định giá đã định mà bà cho rằng trị giá tài sản chung là 400.000.000 đồng, tuy nhiên bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình cũng như trong quá trình tố tụng bà không yêu cầu định giá lại nên yêu cầu của bà là không có cơ sở. Nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông H và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần xác định giá trị tài sản chung là 114.634.407 đồng.

[3] Hiện tại tất cả tài sản chung của ông H và bà L đều được xây dựng trên phần đất riêng của ông H, ông đang quản lý sử dụng và nhằm để đảm bảo đương sự có điều kiện quản lý sử dụng tài sản thuận tiện, nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao cho ông H được quyền quản lý sử dụng toàn bộ tài sản, buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán lại ½ giá trị cho bà L 53.317.203 đồng là phù hợp theo quy định theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Trong quá trình tố tụng ông H rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 70F1-372.95 và 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave alpha, biển số 70F1-420.13. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông H là phù hợp với quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Ông H, bà L phải chịu theo quy định tại khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào các Điều 28, 217, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kim H đối với bà Khuru Kim L về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

Ông Trần Kim H được quyền sở hữu căn nhà tường cấp 4A, diện tích 103,41 m², mái che diện tích 9,94 m², nhà vệ sinh diện tích 5,45 m², chuồng heo diện tích 8,4 m². Tất cả được xây dựng trên thửa đất số 356, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại khu phố Thanh Hà, Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà L ½ giá trị tài sản chung với số tiền 57.317.203 đồng.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông H đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 70F1-372.95 và 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave alpha, biển số 70F1-420.13.

3. Chi phí đo đạc, định giá: Ông H tự nguyện chịu 1.000.000 đồng. Ghi nhận ông H đã nộp xong.

4. Về án phí: Ông H phải chịu 2.866.000 đồng án phí chia tài sản. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.550.000 đồng theo biên lai thu số 0012502 ngày 03-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ông H phải nộp thêm 1.316.000 đồng.

Bà L phải chịu 2.866.000 đồng án phí chia tài sản.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Quãng